Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 64, Special Issue 5 (2023) 200-206

PREVALENCE OF ANXIETY DISORDER AMONG HEALTHCARE WORKERS AT SAINT PAUL HOSPITAL DURING THE COVID-19 PANDEMIC: EXPLORING ASSOCIATED FACTORS

Nguyen Duc Long[1], Dang Thi Thuan[1], Pham Huong Giang[2], Ngo Thi Tam[3], Nguyen Thi Phuong Lan[2], Nguyen Thi Thu Trang[2], Tran Thi Lien Huong[1], Tran Thuy Huong[1], Dinh Quang Huy[4], Tran Hoan[1], Dao Thi Diu[2], Dinh Thi Huyen[2], Nguyen Thanh Trung[2], Nguyen Xuan Bach[2*]

[1]Saint Paul Hospital - 12 Chu Van An, Dien Bien, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam
[2]University of Medical and Pharmacy - Vietnam National University, Hanoi - 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
[3]Dai Nam University - No.1 Xom, Phu Lam, Ha Dong, Hanoi, Vietnam
[4]Hospital of Vietnam National University, Hanoi - 182 Luong The Vinh, Thanh Xuan Bac, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 06/05/2023
Revised 31/05/2023; Accepted 27/06/2023

ABSTRACT

Objective: Describe the current situation and analyze some factors related to anxiety disorder among healthcare workers during the COVID-19 pandemic and some related factors.

Subjects and Methods: We conducted a cross-sectional descriptive study involving 922 Saint Paul Hospital staff members who willingly participated in the research. Anxiety disorder levels were assessed using the GAD-7 scale. We examined relevant factors such as demographic characteristics and the work environment of healthcare workers during the pandemic.

Results: The study found that the prevalence of anxiety disorder among medical staff at Saint Paul General Hospital was 38.8%. Several factors were identified as significantly associated with higher rates of anxiety disorder, including being male, single, having less than 10 years of service, working more than 5 days per week, and working more than 8 hours per day.

Conclusion: The research revealed a relatively high prevalence of anxiety disorder (38.8%) among healthcare workers at Saint Paul Hospital during the COVID-19 pandemic. Additionally, the study highlighted that longer working hours, gender, and singer status were significant contributing factors to the increased occurrence of anxiety disorder among healthcare workers.

Keywords: Anxiety disorder, healthcare workers, COVID-19, GAD-7.

*Corressponding author
Email address: Bachnx.ump@vnu.edu.vn
Phone number: (+84) 983 001 505
https://doi.org/10.52163/yhc.v64i4.702

TÌNH TRẠNG RỐI LOẠN LO ÂU CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH-PÔN TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Đức Long[1], Đặng Thị Thuận[1], Phạm Hương Giang[2], Ngô Thị Tâm[3], Nguyễn Thị Phương Lan[2], Nguyễn Thị Thu Trang[2], Trần Thị Liên Hương[1], Trần Thuỷ Hương[1], Đinh Quang Huy[4], Trần Hoàn[1], Đào Thị Dịu[2], Đinh Thị Huyền[2], Nguyễn Thành Trung[2], Nguyễn Xuân Bách[2*]

[1]Bệnh viện Đa khoa Xanh pôn - 12 P. Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
[2]Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội - 144 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
[3]Trường Đại học Đại Nam - 1 P. Xốm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
[4]Bệnh viện Đại học Quốc Gia Hà Nội - 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 06 tháng 05 năm 2023
Chỉnh sửa ngày: 31 tháng 05 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 27 tháng 06 năm 2023

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và phân tích một số yếu tố liên quan tới tình trạng rối loạn lo âu của nhân viên y tế trong đại dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang 922 cán bộ, nhân viên đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa Xanh-pôn và đồng ý tham gia nghiên cứu. Tình trạng rối loạn lo lâu được đo lường bởi thang đo GAD-7. Các yếu tố liên quan được tìm hiểu gồm đặc điểm nhân khẩu học và công việc của nhân viên y tế trong đại dịch.

Kết quả: Tỉ lệ rối loạn lo âu của nhân viên y tế tại Bệnh viện đa khoa Xanh-pôn là 38,8%. Nam giới, người độc thân, người có thời gian công tác dưới 10 năm, nhân viên y tế có thời gian làm việc trên 5 ngày mỗi tuần và làm việc trên 8 tiếng mỗi ngày có tỷ lệ rối loạn lo lâu cao hơn đáng kể.

Kết luận: Tình trạng rối loạn lo âu ở nhân viên y tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tại Bệnh viện đa khoa Xanh-pôn từ mức độ nhẹ đến nghiêm trọng là 38,8%. Giới tính, tình trạng độc thân, Số ngày làm việc trung bình trong 1 tuần và số giờ làm việc trong ngày là trong những yếu tố quan trọng làm tăng tỷ lệ rối loạn lo âu ở nhân viên y tế trong nghiên cứu.

Từ khóa: Rối loạn lo âu, nhân viên y tế, COVID-19, GAD-7.

*Tác giả liên hệ
Email: Bachnx.ump@vnu.edu.vn
Điện thoại: (+84) 983 001 505
https://doi.org/10.52163/yhc.v64i4.702

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến hầu hết mọi vấn đề trong cuộc sống, trong đó có sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế (NVYT) [1]. So với người dân nói chung, NVYT được cho là có nguy cơ cao hơn phải đối mặt với các rối loạn tâm thần như tình trạng rối loạn lo âu (RLLA) vì là lực lượng tuyến đầu tham gia vào công tác phòng, chống dịch [2]. Theo một đánh giá hệ thống và phân tích tổng hợp được thực hiện bởi Pappa cùng cộng sự kết quả có 23,2% NVYT gặp phải tình trạng lo âu; sự khác biệt về nghề nghiệp và giới tính cũng đã được chỉ ra khi điều dưỡng và NVYT nữ có tỷ lệ lo âu cao hơn so với NVYT nam và các vị trí công việc khác [3]. Các vấn đề rối loạn tâm thần như tình trạng lo âu kéo dài không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất cá nhân, làm giảm hiệu suất lao động mà còn ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng cuộc sống của NVYT [4]. Do đó, việc thực hiện các nghiên cứu tìm hiểu về tình trạng lo âu của NVYT là cần thiết để có những giải pháp can thiệp thích hợp và kịp thời.

Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn là bệnh viện tuyến cuối trực thuộc sở Y tế Hà Nội. Từ khi bắt đầu đại dịch, đây là một trong những cơ sở y tế thường xuyên chịu áp lực nặng nề trong công tác phòng và chống dịch. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng RLLA của NVYT để cung cấp các bằng chứng khoa học cho thực hành và quản lý.

Mục tiêu:

Mô tả thực trạng lo âu của nhân viên y tế Bệnh viện đa khoa Xanh pôn trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: từ 6/2022 – 4/2023; thời gian thu thập số liệu: từ 8/2022 đến 10/2022 tại Bệnh viện đa khoa Xanh-pôn.

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Nhân viên y tế đang làm việc từ 6 tháng trở lên tại Bệnh viện đa khoa Xanh pôn trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu; 1-α: Độ tin cậy 95% => Z(1-α/2) = 1,96; p là tỉ lệ lo âu của NVYT trong nghiên cứu trước là 26,8% [5]; d là sai số ước lượng (0,03). Cỡ mẫu tối thiểu tính được là 838 người.

Phương pháp chọn mẫu toàn bộ được áp dụng. Nghiên cứu đã thu thập được cỡ mẫu là 922 NVYT.

2.5. Biến số/ chỉ số/ Nội dung/ chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu gồm các nhóm biến số:

1) Đặc điểm nhân khẩu học: Tuổi, giới tính, tình trạng gia đình, trình độ học vấn, năm công tác; 2) Điều kiện làm việc: số ngày làm trong tuần, số buổi trực trong tuần, số giờ làm việc trong ngày;

3) Các yếu tố liên quan tới đại dịch COVID-19: số lần mắc, thu nhập trong dịch, lượng công việc trong dịch

4) Mức độ lo âu

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy tình thu thập số liệu

Một biểu mẫu khảo sát của Google đã được tạo theo bộ câu hỏi thiết kế sẵn, gồm các phần:

- Đặc điểm nhân khẩu học: tuổi, giới tính, tình trạng gia đình, trình độ học vấn, năm công tác.

- Điều kiện làm việc: số ngày làm trung bình/tuần, số buổi trực trung bình/tuần, số giờ làm việc trung bình /ngày.

- Các yếu tố do đại dịch COVID-19: số lần mắc, thu nhập trong dịch, lượng công việc trong dịch.

- Mức độ lo âu: xác định dựa vào điểm của bộ công cụ GAD-7, theo đó đối tượng có điểm từ 0–4 được xác định là không lo âu, 5–9 là lo âu nhẹ, 10–14 là lo âu vừa phải và 15–21 là lo âu nghiêm trọng. Đối với kiểm định chi-square và mô hình hồi quy logistic, mức độ lo lắng được chia thành hai loại dựa trên điểm cắt: không lo âu (điểm GAD <10) và có lo âu (điểm GAD ≥ 10).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhóm đối tượng nghiên cứu bao gồm 922 NVYT, trong đó tỉ lệ nữ: nam = 2:1; Độ tuổi trung bình: 37,2 ± 8,7; trong đó độ tuổi từ 30-39 chiếm tỉ lệ lớn nhất: 39,3%; 80,9% NVYT đều đã lập gia đình. 59,2 % NVYT tham gia nghiên cứu có trình độ từ đại học trở lên, với thâm niên công tác tại Bệnh viện Đa khoa Xanh-pôn hơn 10 năm là 54,7%. Phần lớn đối tượng nghiên cứu là Điều dưỡng (44,1%) và Bác sĩ (20,5%).

Bảng 1. Các đặc điểm công việc của nhân viên y tế trong đại dịch COVID-19

Đặc điểm		n	%
Số ngày làm việc trung bình **trong 1 tuần**	≤5	630	68,3
	>5	292	31,7
Số buổi trực trung bình **trong 1 tuần**	≤5	914	99,1
	>5	8	0,9
Số giờ làm việc trung bình **trong 1 ngày**	≤8	643	69,7
	>8	279	30,3
Thu nhập trong đại dịch	Tăng lên	4	0,4
	Không thay đổi	86	9,3
	Giảm đi	832	90,3
Lượng công việc trong đại dịch	Tăng lên	618	67,0
	Không thay đổi	128	13,9
	Giảm đi	176	19,1
Số lần mắc COVID-19	0	117	12,7
	≥1	805	87,3

Trong 1 tuần trung bình, đa số NVYT làm việc không quá 5 ngày (68,3%) và mỗi ngày làm việc không quá 8 tiếng (69,7%). Các NVYT chủ yếu đã từng bị mắc COVID-19 (87,3%). Trong đại dịch COVID-19 hầu như khối lượng công việc họ đều tăng lên (67,0%) trong khi thu nhập lại giảm đi (90,3%).

Bảng 2: Tình trạng rối loạn lo âu của nhân viên y tế theo thang điểm GAD-7

GAD-7		n	%
Mức độ lo âu	Điểm		
Không lo âu	0-4	564	61,2
Lo âu nhẹ	5-9	278	30,2
Lo âu vừa phải	10-14	53	5,7
Lo âu nghiêm trọng	15-21	27	2,9
Điểm GAD-7 trung bình: 4,2 ± 4,3; Phạm vi điểm: 0-21			

358/922 NVYT (chiếm 38,8%) có tình trạng rối loạn lo âu từ mức độ nhẹ đến nghiêm trọng, trong đó chủ yếu ở mức độ lo âu nhẹ chiếm 30,2%.

Bảng 3. Mối liên quan giữa các đặc điểm cá nhân tới tình trạng rối loạn lo âu của đối tượng nghiên cứu trong đại dịch Covid-19

Đặc điểm		RLLA		p
		Không	Có	
		n(%)	n(%)	
Tuổi	22 – 29	192 (88,5)	25 (11,5)	0,328
	30 – 39	331 (91,4)	31 (8,6)	
	40 – 49	224 (92,9)	17 (7,1)	
	≥ 50	98 (93,1)	7 (6,9)	
Giới	Nữ	590 (93,4)	42 (6,6)	0,001
	Nam	252 (86,9)	38 (13,1)	
Tình trạng hôn nhân	Đã lập gia đình	688 (92,2)	58 (7,8)	0,045
	Độc thân/Ly hôn	154 (87,5)	22 (12,5)	
Trình độ học vấn	Sau đại học	202 (91,0)	20 (9,0)	0,959
	Đại học	297 (91,7)	27 (8,3)	
	Khác	343 (91,2)	33 (8,8)	
Năm công tác	<5	149 (89,2)	18 (10,8)	0,01
	5 – 10	220 (87,6)	31 (12,4)	
	>10	473 (93,8)	31 (6,2)	

Tỷ lệ RLLA ở nhân viên nam cao hơn so với nữ, ở người độc thân (chưa lập gia đình hoặc ly hôn) cao hơn so với nhóm đã lập gia đình. Những người có thời gian công tác dưới 10 năm có tỷ lệ RLLA cao hơn đáng kể so với nhóm công tác trên 10 năm. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

Bảng 4. Mối liên quan giữa các đặc điểm công việc tới tình trạng rối loạn lo âu của đối tượng nghiên cứu trong đại dịch Covid-19

Đặc điểm		RLLA		p
		Không	Có	
		n (%)	n (%)	
Số ngày làm việc trung bình trong 1 tuần	≤ 5	585 (92,9)	45 (7,1)	0,015
	>5	257 (88,0)	35 (12,0)	
Số buổi trực trung bình trong 1 tuần	≤ 5	834 (91,2)	80 (8,8)	0,381
	>5	8 (100)	0 (0)	
Số giờ làm việc trung bình trong 1 ngày	≤ 8	595 (92,5)	48 (7,5)	0,047
	>8	247 (88,5)	32 (11,5)	

Đặc điểm		RLLA		p
		Không	Có	
		n (%)	n (%)	
Vị trí làm việc	Bác sĩ	170 (89,9)	19 (10,1)	0,643
	Điều dưỡng	371 (92,3)	36 (8,8)	
	Khác	301 (92,3)	25 (7,7)	
Thu nhập trong đại dịch	Tăng lên	3 (75,0)	1 (25,0)	0,106
	Không thay đổi	83 (96,5)	3 (3,5)	
	Giảm đi	756 (90,9)	76 (9,1)	
Lượng công việc trong đại dịch	Tăng lên	556 (90,0)	62 (10,0)	0,112
	Không thay đổi	120 (93,8)	8 (6,2)	
	Giảm đi	166 (94,3)	10 (5,7)	
Số lần mắc COVID-19	0	110 (94,0)	7 (6,0)	0,268
	≥ 1	732 (90,9)	73 (9,1)	

Tỉ lệ RLLA cao hơn đáng kể ở những NVYT có thời gian làm việc trên 5 ngày mỗi tuần và làm việc trên 8 tiếng mỗi ngày so với những người khác. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

4. BÀN LUẬN VÀ KẾT LUẬN

4.1. Thực trạng rối loạn lo âu của NVYT

Theo kết quả nghiên cứu, tình trạng RLLA ở NVYT trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tại bệnh viện đa khoa Xanh pôn ở mức tương đối cao (38,8%). Kết quả này của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Quang Tuấn (26,8%) và Irene Teo (13%) [5] có thể là do có sự khác biệt về thời gian và địa điểm nghiên cứu. Hai nghiên cứu trên được thực hiện vào năm 2020 là giai đoạn đầu của đại dịch, nhân viên y tế có thể phải chịu ít áp lực hơn so với năm 2022 khi thế giới vừa trải qua thời kỳ đỉnh dịch. Vào năm 2022, NVYT có thể phải đối mặt với nỗi lo đại dịch sẽ bùng phát mạnh mẽ trở lại cùng với đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều các biến thể mới của virus SARS-COV-2, khiến cho họ có nguy cơ cao hơn mắc tình trạng RLLA. Kết quả này lại thấp hơn so với trong nghiên cứu của Nay Phi La và cộng sự tiến hành tại Đắk Lắk cùng thời điểm với tỷ lệ lo âu ở NVYT là 44% [6].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng lo âu của NVYT

Nhóm NVYT nam có nguy cơ RLLA cao hơn nhóm NVYT nữ. Kết quả này của chúng tôi có sự khác biệt với các nghiên cứu đã được thực hiện trước đây [7, 8]. Điều này có thể giải thích là do trong giai đoạn này, các NVYT nam phải làm việc nhiều ngày hơn trong tuần, số giờ làm việc trong mỗi ngày của họ tăng lên, khối lượng công việc theo đó cũng nhiều hơn. Nhóm NVYT độc thân/ly hôn có nguy cơ RLLA cao hơn với nhóm NVYT đã lập gia đình. Kết quả này có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Đoàn Quốc Hùng [9]**.** Có lẽ, những đối tượng này phải đối mặt với những khó khăn, áp lực từ cuộc sống nhiều hơn nên dẫn đến tình trạng RLLA theo đó cũng nhiều hơn. Những NVYT có năm công tác dưới 5 năm và những NVYT có thời gian công tác từ 5-10 có nguy cơ mắc RLLA cao hơn. Kết quả này của chúng tôi có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu tại Phần Lan [7]. Điều này có thể giải thích là do tuổi nghề còn trẻ, nên họ cũng có ít kinh nghiệm khi đối mặt với những áp lực từ công việc và cuộc sống. Những NVYT phải làm việc nhiều hơn 8 tiếng mỗi ngày và nhiều hơn 5 ngày một tuần có nguy cơ mắc RLLA cao hơn những người còn lại bởi có thể họ là những người làm việc trong các khu cách ly hoặc khu điều trị những bệnh nhân thuộc trường hợp nặng và nguy kịch, phải làm việc với cường độ cao và chịu áp lực công việc lớn.

KẾT LUẬN

Tình trạng RLLA ở NVYT trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tại Bệnh viện đa khoa Xanh-pôn từ mức độ nhẹ đến nghiêm trọng là 38,8%. Giới tính, tình trạng độc thân, Số ngày làm việc trung bình trong 1 tuần và số giờ làm việc trong ngày là trong những yếu tố quan trọng làm tăng tỷ lệ RLLA ở NVYT trong nghiên cứu.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội, mã số QGSP.2022.07

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] M. Vizheh, M. Qorbani, S. M. Arzaghi et al., The mental health of healthcare workers in the COVID-19 pandemic: A systematic review. J Diabetes Metab Disord, 2020, 19(2): 1967-1978.

[2] S. Raoofi, F. Pashazadeh Kan, S. Rafiei et al., Anxiety during the COVID-19 pandemic in hospital staff: systematic review plus meta-analysis. BMJ Support Palliat Care, 2021,

[3] S. Pappa, V. Ntella, T. Giannakas et al., Prevalence of depression, anxiety, and insomnia among healthcare workers during the COVID-19 pandemic: A systematic review and meta-analysis. Brain Behav Immun, 2020, 88(901-907.

[4] Kevin P Young, Diana L Kolcz, David M O'Sullivan et al., Health care workers' mental health and quality of life during COVID-19: results from a mid-pandemic, national survey. 2021, 72(2): 122-128.

[5] I. Teo, J. Chay, Y. B. Cheung et al., Healthcare worker stress, anxiety and burnout during the COVID-19 pandemic in Singapore: A 6-month multi-centre prospective study. PLoS One, 2021, 16(10): e0258866[6] Tuan NQ, Phuong ND, Co DX et al., Prevalence and Factors Associated with Psychological Problems of Healthcare Workforce in Vietnam: Findings from COVID-19 Hotspots in the National Second Wave. 2021, 9(6): 718.

[6] Nay Phi La, Nguyễn Anh Khoa, Nguyễn Ngọc Như Khuê và cộng sự, Tình trạng căng thẳng, lo âu, trầm cảm của nhân viên y tế và các yếu tố liên quan sau 2 năm đại dịch Covid-19 tại Đắk Lắk, năm 2022. Tạp chí Y học Việt Nam, 2022, 515(1):

[7] Elina M, Jaana P, Marko HN et al., COVID-19: anxiety among hospital staff and associated factors. 2021, 53(1): 237-246.

[8] Ekaterina M, Seockhoon C, Dmitryi S et al., Stress and anxiety among healthcare workers associated with COVID-19 pandemic in Russia. 2020, 32(3-4): 549-556.

[9] Hung DQ, Ngoc TN, Hung TM et al., Depression, anxiety and associated factors among frontline hospital healthcare workers in the fourth wave of COVID-19: Empirical findings from Vietnam. 2022, 7(1): 3.